

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 38/2019/DS - ST

Ngày: 13- 6 - 2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Xuân Giao và ông Nguyễn Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Diệu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2019/TLST- DS ngày 18/02/2019 về việc “ Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-DS ngày 14/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐHPT ngày 29/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm: 1969

Địa chỉ: 136 đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1954 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Liên gia 4, tổ dân phố 15, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Đ (Vắng mặt)

Địa chỉ: Liên gia 4, tổ dân phố 15, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên toà, nguyên đơn bà Ngô Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà H có bán thức ăn gia súc và vịt con cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ nhiều lần. Tính đến ngày 10/11/2018 bà T, ông Đ còn nợ bà H tổng số tiền là 9.830.000 đồng. bà T đã đến nhà bà H và viết giấy nhận nợ, khi nhận nợ thì không thỏa thuận về lãi suất, hẹn bằng lời nói khi nào bà T bán vịt xong sẽ trả nợ cho bà H nhưng từ đó đến nay vợ

chồng ông Đ, bà T không thực hiện việc trả nợ cho bà H như thỏa thuận. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ trả cho bà H 9.830.000 đồng nợ gốc, về tiền lãi bà H không yêu cầu.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Những nội dung bà H trình bày về quá trình mua bán thức ăn gia súc và vịt con giữa vợ chồng bà và bà H là đúng.

Tính đến ngày 10/11/2018 vợ chồng bà còn nợ bà H số tiền 9.830.000 đồng là tiền mua vịt con và thức ăn gia súc, bà xác nhận chữ viết trong giấy nhận nợ ngày 10/11/2018 là chữ viết của bà và bà có hẹn đến khi nào bán vịt bà sẽ trả nợ cho bà H nhưng vì vịt bị bệnh chết hết, hoàn cảnh khó khăn nên bà chưa trả nợ như hẹn với bà H được. Khoản nợ này là khoản nợ chung của vợ chồng bà để phát triển kinh tế gia đình.

Nay bà H khởi kiện thì bà chấp nhận trả cho bà H số tiền 9.830.000 đồng nợ gốc, chia làm hai lần cuối năm 2019 trả 5.000.000 đồng và cuối năm 2020 trả 4.830.000 đồng nợ gốc còn lại. Ngoài ra bà không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán, bị đơn cư trú tại phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H là phù hợp theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Ngô Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ trả cho bà số tiền mua bán thức ăn gia súc và vịt con còn nợ là 9.830.000 đồng và cung cấp tài liệu chứng cứ là Giấy biên nhận có nội dung bà Đ nợ H 9.830.000đ đề ngày 10/11/2018. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án bị đơn đều thừa nhận còn nợ của nguyên đơn số tiền trên tuy nhiên không thỏa thuận được thời gian và phương thức trả nợ nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 9.830.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

Ngoài ra bị đơn cũng thừa nhận khoản nợ trên là khoản nợ chung của vợ chồng bà T, ông Đ để phát triển kinh tế gia đình do đó cần buộc vợ chồng bà

Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ cùng có nghĩa vụ liên đới trả số nợ trên cho bà H là phù hợp theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Đ, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn cụ thể:

$$9.830.000 \text{ đồng} \times 5\% = 491.500 \text{ đồng}$$

Bà Ngô Thị H không phải chịu án phí DSST, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Điều 227; Điều 147; Điều 161; Điều 220; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 430; Điều 431, Điều 433; Điều 440 Bộ luật dân sự 2015

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H;

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị H số tiền nợ gốc là 9.830.000 đồng (Chín triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Đ, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ bà Nguyễn Thị T phải chịu: 491.500đ (Bốn trăm chín mươi một ngàn, năm trăm đồng) án phí DSST.

Bà Ngô Thị H không phải chịu án phí DSST, được nhận lại 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0011823 ngày 29/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt